

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục, năm học: 2022- 2023

STT	NỘI DUNG	Kết quả dự kiến đạt được trong năm học	
		NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO
I	Tên chương trình giáo dục Mầm Non thực hiện	Thực hiện chương trình giáo dục mầm non 24- 36 tháng tuổi. (Tổ chức thực hiện theo chương trình giáo dục mầm non sửa đổi, bổ sung theo thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành sửa đổi một số nội dung của chương trình giáo dục MN).	Thực hiện chương trình giáo dục mầm non 3 - 4 - 5 tuổi. (Tổ chức thực hiện theo chương trình giáo dục mầm non sửa đổi, bổ sung theo thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành sửa đổi một số nội dung của chương trình giáo dục MN).
II	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được		
1	Chất lượng nuôi trẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Kết hợp với BGH chỉ đạo giáo viên toàn trường thực hiện tốt việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Duy trì tỷ lệ trẻ nuôi ăn bán trú tại trường 100% với mức tiền ăn 22.000đ/trẻ/ngày (Trong đó tiền ăn là 17.000đ/trẻ/ngày và tiền sữa là 5.000đ/trẻ/ngày). - Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết hợp với BGH chỉ đạo giáo viên toàn trường thực hiện tốt việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Duy trì tỷ lệ trẻ nuôi ăn bán trú tại trường 100% với mức tiền ăn 25.000đ/trẻ/ngày (Trong đó tiền ăn là 18.500đ/trẻ/ngày, tiền sữa là 5.000đ/trẻ/ngày và tiền galaf 1.500đ/trẻ/ngày. - Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
2	Chất lượng chăm sóc, chăm sóc, đảm bảo an toàn cho trẻ.	<ul style="list-style-type: none"> - 100% trẻ học tại trường được chăm sóc chu đáo cẩn thận, đảm bảo an toàn cho trẻ mọi lúc mọi nơi... Đảm bảo đầy đủ các điều kiện phòng chống rét, chống nóng cho trẻ. Trang thiết bị phục vụ công tác chăm sóc NDGD trẻ. - Làm tốt công tác phòng chống dịch như Cúm A, Sốt vi 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% trẻ học tại trường được chăm sóc chu đáo cẩn thận, đảm bảo an toàn cho trẻ mọi lúc mọi nơi... Đảm bảo đầy đủ các điều kiện phòng chống rét, chống nóng cho trẻ. Trang thiết bị phục vụ công tác chăm sóc NDGD trẻ. - Làm tốt công tác phòng chống dịch như Cúm A, Sốt vi rút,

STT	NỘI DUNG	Kết quả dự kiến đạt được trong năm học	
		NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO
		<p>rút, Covid-19....Thực hiện nghiêm túc văn bản chỉ đạo của các cấp, 100% giáo viên, nhân viên lau rửa đồ dùng đồ chơi bằng dung dịch sát khuẩn, vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học, các khu vực trong trường luôn đảm bảo, bảo vệ tốt sức khỏe cho CBGVNV và trẻ. Coi trọng việc phòng, chống các dịch bệnh, không để trẻ bị nhiễm các dịch bệnh trong mùa đông, mùa hè, trẻ hồn nhiên, vui tươi, khỏe mạnh, tỷ lệ trẻ mắc các bệnh thông thường ít.</p>	<p>Covid-19....Thực hiện nghiêm túc văn bản chỉ đạo của các cấp, 100% giáo viên, nhân viên lau rửa đồ dùng đồ chơi bằng dung dịch sát khuẩn, vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học, các khu vực trong trường luôn đảm bảo, bảo vệ tốt sức khỏe cho CBGVNV và trẻ. Coi trọng việc phòng, chống các dịch bệnh, không để trẻ bị nhiễm các dịch bệnh trong mùa đông, mùa hè, trẻ hồn nhiên, vui tươi, khỏe mạnh, tỷ lệ trẻ mắc các bệnh thông thường ít.</p>
3	Chất lượng giáo dục trẻ	<p>*Mục tiêu : Giúp trẻ phát triển hài hoà về các về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kĩ năng sống và thẩm mỹ.</p> <p>1. Phát triển thể chất + 100% trẻ khoẻ mạnh thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ các nhân. Ban đầu thể hiện được một số tổ chất nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể.</p> <p>2. Phát triển nhận thức: + 100% trẻ thích khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan. + 80% thể hiện sự hiểu biết về các sự vật hiện tượng gần gũi</p>	<p>*Mục tiêu : Giúp trẻ phát triển hài hoà về các về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kĩ năng sống và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học tiểu học. Trẻ mẫu giáo lớn nhận biết được 29 chữ cái và 10 chữ số....</p> <p>1. Phát triển thể chất +100% trẻ khoẻ mạnh tăng cân đều có khả năng phối hợp các cơ quan vận động đúng tư thế, vững vàng và biết định hướng đúng không gian + 100% trẻ biết tin tưởng vào khả năng của bản thân mình, thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh.- 2.Phát triển nhận thức: - 100% trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường thiên nhiên: nhận biết được các bộ phận cơ thể, các đồ vật, động thực vật, các hiện tượng thiên nhiên. - 100% trẻ thể hiện 1 số hiểu biết về môi trường xã hội: Bàn</p>

STT	NỘI DUNG	Kết quả dự kiến đạt được trong năm học	
		NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO
		<p>bằng cử chỉ, biết sử dụng lời nói và hồn nhiên trong giao tiếp.</p> <p>3. Phát triển ngôn ngữ: + 85% trẻ hiểu được yêu cầu, lời nói đơn giản. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu, Biết sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp.</p> <p>4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội, thẩm mỹ: + 90% trẻ có ý thức về bản</p>	<p>thân, gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng. + 85% trẻ nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương. + 90% trẻ nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh tại địa phương, trong cả nước. + 100% trẻ biết tập hợp số lượng số thứ tự và đếm- xếp tương ứng. + 90% so sánh, sắp xếp theo các quy tắc đơn giản. + 100% trẻ lớp lớn biết đo lường, nhận biết về một số hình học và định hướng trong không gian, một số nhận biết ban đầu về thời gian, + 100% trẻ tò mò ham hiểu biết, hay đặt câu hỏi tại sao? Như thế nào?... + 100% trẻ thể hiện khả năng suy luận và sáng tạo (mẫu giáo lớn)</p> <p>3. Phát triển ngôn ngữ: + 100% trẻ nghe hiểu lời nói. + 85% trẻ sử dụng đúng từ ngữ, câu trong cuộc sống hằng ngày. + 90% trẻ thích làm quen với việc xem sách. + 100% trẻ mẫu giáo lớn được làm quen với việc đọc - viết. nhận dạng được 29 chữ trong bảng chữ cái + 85% trẻ nhận biết các ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, cấm lửa, cấm hút thuốc lá, cấm vào nơi nguy hiểm...)</p> <p>4. Phát triển tình cảm xã hội: + 100% trẻ thể hiện ý thức được bản thân</p>

STT	NỘI DUNG	Kết quả dự kiến đạt được trong năm học	
		NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO
		<p>thân, mạnh dạn giao tiếp với người thân.</p> <p>+ 80% trẻ biết biểu lộ sự nhận thức về bản thân.</p> <p>+ 95% trẻ nhận biết biểu lộ với con người và sự vật gần gũi</p> <p>+ 90% trẻ thực hiện hành vi xã hội đơn giản</p> <p>+ 95% trẻ thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc, xếp hình, xâu, xem tranh, vẽ nặn</p>	<p>+ 90% trẻ thể hiện sự tự tin, tự lực trong các hoạt động.</p> <p>+ 100% trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người và sự vật hiện tượng xung quanh.</p> <p>+ 100% trẻ có hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.</p> <p>+ 100% trẻ quan tâm đến môi trường mà trẻ đang hoạt động.</p> <p>+ 100% trẻ thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh</p> <p>5. Phát triển thẩm mỹ:</p> <p>+ 80% trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật</p> <p>+ 100% trẻ thể hiện một số hiểu biết về âm nhạc và tạo hình.</p> <p>+ Trẻ thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động đặc biệt là âm nhạc, biết thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát; nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. Đạt: 100% các mục tiêu</p>
IV	<p>Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non</p>	<p>- Cơ sở vật chất đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc và giáo dục trẻ theo Điều lệ trường mầm non Có đầy đủ đồ dùng phục vụ chăm sóc và giáo dục trẻ.</p> <p>- Trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi theo hướng chuẩn, hiện đại và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ. Có đầy đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho mỗi trẻ. Trang bị đủ đồ dùng học tập, đồ chơi và các giá góc trong</p>	<p>- Cơ sở vật chất đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc và giáo dục trẻ theo Điều lệ trường mầm non Có đầy đủ đồ dùng phục vụ chăm sóc và giáo dục trẻ.</p> <p>- Trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi theo hướng chuẩn, hiện đại và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ. Có đầy đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho mỗi trẻ. Trang bị đủ đồ dùng học tập, đồ chơi và các giá góc trong</p>

STT	NỘI DUNG	Kết quả dự kiến đạt được trong năm học	
		NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO
		<p>lớp. 100% đồ dùng nuôi dưỡng, vệ sinh chăm sóc là inôc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ký hợp đồng với công ty thực phẩm đảm bảo giá cả, chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Đảm bảo nguồn nước sạch, giữ gìn vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học - Thực hiện chế độ khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm/trẻ - Tổ chức cho 100% trẻ tham gia các ngày hội, ngày lễ như: Tết Trung thu, ngày hội đến trường của bé, Tết thiếu nhi 1/6... 	<p>lớp. 100% đồ dùng nuôi dưỡng, vệ sinh chăm sóc là inôc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ký hợp đồng với công ty thực phẩm đảm bảo giá cả, chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Đảm bảo nguồn nước sạch, giữ gìn vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học. - Thực hiện chế độ khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm/trẻ - Tổ chức cho 100% trẻ tham gia các ngày hội, ngày lễ như: Tết Trung thu, ngày hội đến trường của bé, Tết thiếu nhi 1/6...và các buổi dã ngoại cho HS 5 Tuổi.

Cao Nhân, ngày 15 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thanh Hồng

TT	NỘI DUNG		Kết quả thực tế đạt được trong năm học									
			Toàn trường		Đ đạt được so với dự kiến đầu năm học	Trong đó chia ra						
			Kết quả đạt được			Nhà trẻ			Mẫu giáo			
			Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25 - 36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi	
1	Huy động trẻ	Tổng số trẻ	476	100	100	0	0	53	117	152	154	
		Trẻ học nhóm lớp	14					2	3	4	5	
		Trẻ học 2 buổi trên ngày	476	100	100	0	0	53	117	152	154	
		Trẻ khuyết tật học hòa Nhập										
2	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Trẻ tổ chức được ăn bán trú	476	100	100			53	117	152	154	
		Trẻ được cung cấp chế độ khẩu phần ăn đảm bảo theo nhu cầu khuyến nghị	476	100	100			600 - 651Kcalo/trẻ/ngày.	630 - 726Kcalo/trẻ/ngày.			
3	Chất lượng chăm sóc sức khỏe an toàn cho trẻ	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ	Trẻ cân nặng bình thường	432	91	0			49	103	138	142
			Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	34	0,7	0			2	14	11	7
			Trẻ có chiều cao bình thường	432	91	0			51	105	131	145
			Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	40	8,4	0			1	12	19	8
			Trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	17	3	0			2	5	5	5
			Trẻ Thừa cân	19	4	0			2	2	3	12
			Trẻ béo phì	10	2	0			1	1	2	6
		Trẻ được đảm bảo an toàn về thể và tinh thần	476	100	100			53	117	152	155	
Trẻ đi học chuyên cần	476	90				80	87	91	94			

TT	NỘI DUNG		Kết quả thực tế đạt được trong năm học								
			Toàn trường		Đ đạt được so với dự kiến đầu năm học	Trong đó chia ra					
			Kết quả đạt được			Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25 - 36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5 -6 tuổi
4	Chất lượng giáo dục trẻ	Đánh giá chất lượng giáo dục	Trẻ đánh giá ở mức độ " Đạt"	404	85			45	99	128	132
			Trẻ đánh giá ở mức độ " CCG"	72	15			8	18	24	22
			Trẻ đánh giá ở mức độ " Chưa đạt"	0							
			Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN	154							
			Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ	0							

Cao Nhân, ngày 15 tháng 09 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Hồng

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2022 - 2023.

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	14	Số 1,6m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	14	-
1	Phòng học kiên cố	8	-
2	Phòng học bán kiên cố	6	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4.412	9,4m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	702m ²	1,5m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	742m ²	1,6m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	0
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	16,4m ²	0,351m ² /trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	52 m ²	0,1m ² /trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	56m ²	0,6m ² /trẻ
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	0	0
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	87	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	210	15 bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	210	15 bộ/nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	280	20 bộ/ nhóm (lớp)
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	10	5 bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	18 máy tính 1 máy chiếu	1 bộ/ lớp
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Ti vi	1 cái	4
2	Đầu đĩa	1 cái	1
3	Âm ly 1 cái	1 cái	1
4	Loa kéo	1 cái	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)		
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	
			Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	27,6m ²	0	0
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh	0	1	1

(*Theo Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Trưởng Bộ giáo dục và đào tạo ban hành theo điều lệ trường Mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu chuẩn - điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh).

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	
..		

Cao Nhân, ngày 15 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thanh Hồng

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
Năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	DH	CD	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	43			27	4	9	3		14	9	9	20	10		
I	Giáo viên	27			23	3	1			11	6	9	17	10		
1	Nhà trẻ	4			4	0				3	1	0	2	2		
2	Mẫu giáo	23			19	3	1		0	8	5	9	15	8		
II	Cán bộ quản lý	3			3								3			
1	Hiệu trưởng	1			1					1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2			2			
III	Nhân viên	13			1	1	8	3								
1	Nhân viên văn thư	0														
2	Nhân viên kế toán	1			1											
3	Thủ quỹ	0														
4	Nhân viên y tế	0														
5	Nhân viên nuôi dưỡng	9				1	8									
6	Nhân viên khác	3						3								

Cao Nhân, ngày 15 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thanh Hồng

**Thông báo công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên
được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2022 -2023 và 02 tiếp theo.**

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ bồi dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)
1	Năm 2022 -2025	Cán bộ QL	1	Tập trung	Thạc sĩ
2	Năm 2022 -2025	Giáo viên	4	Tập trung	Đại học

Cao Nhân, ngày 5 tháng 09 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Hồng